

## BÁO CÁO

Kết quả xếp loại các đơn vị theo Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp (Quyết định số 766/QĐ-TTg) Tháng 02 - Tuần 3

Thực hiện Công văn số 124/UBND-TH ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc giao chỉ tiêu triển khai thực hiện một số nội dung trong hoạt động KSTTHC, CCTTHC tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và Nghị quyết số 01/NQ-CP.

Thực hiện Công văn số 308/UBND-TH ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc đôn đốc thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Công văn số 1029/UBND-TH ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023.

Văn phòng HĐND và UBND huyện Phú Tân báo cáo kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong Tuần 3 - tháng 02 năm 2024 như sau:

1. Tổng số điểm huyện đạt: 83.67/100 điểm, xếp hạng 01/11 huyện, thị xã, thành phố, xếp loại "TỐT" so với thang điểm được quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Qua đó, báo cáo thống kê kết quả xếp loại của các đơn vị, địa phương (đính kèm Phụ lục 1).

2. Văn phòng HĐND và UBND huyện đề nghị:

a) Thủ trưởng các đơn vị, địa phương quan tâm chỉ đạo rà soát các tiêu chí thành phần như: công khai minh bạch, tiến độ giải quyết, số hóa hồ sơ, chứng thực điện tử,...; Đồng thời, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các tiêu chí của Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Đảm bảo 100% hồ sơ tiếp nhận thực tế trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; Mặt khác, thực hiện khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa và đẩy mạnh thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

b) Bộ phận Một cửa huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện rà soát đầy mạnh thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính lĩnh vực Đất đai. Đơn đốc các ngành liên quan thực hiện tiếp nhận 100% hồ sơ tiếp nhận thực tế trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo thời gian theo quy định.

c) Phòng Văn hóa – Thông tin

Thực hiện công bố, công khai kết quả xếp loại của các địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

Chủ trì, phối hợp với văn phòng HĐND và UBND huyện, các đơn vị liên quan thường xuyên rà soát và nhắc nhở, đơn đốc việc thực hiện các chỉ số Công khai minh bạch, tiến độ giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ của các đơn vị, địa phương.

d) Phòng Tư pháp

Thường xuyên theo dõi và đơn đốc các đơn vị thực hiện Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

Trên đây là kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phú Tân./.

**Nơi nhận:**

- TT UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Các phòng chuyên môn huyện;
- Cổng TTĐT huyện;
- Bộ phận Một cửa huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *ngye*

**CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Giáp Minh Triết**



**BỘ CHỈ SỞ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC,  
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG**

(Thời gian chốt số liệu: Ngày 19/02/2024)

STT	ĐƠN VỊ	ĐIỂM TỔNG HỢP					CÔNG KHAI, MINH BẠCH (%)	TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT (%)	DỊCH VỤ CÔNG TT		SỐ HÓA HỒ SƠ	
		TUẦN 03 - THÁNG 02	XẾP LOẠI	TUẦN 01 - THÁNG 2	ĐIỂM (TĂNG/GIẢM)	LŨY KẾ NĂM 2024			DVCTT	THANH TOÁN TRỰC TUYẾN	SỐ HÓA HỒ SƠ (80%)	CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ
<b>TOÀN HUYỆN</b>		<b>83.67</b>	<b>TỐT</b>	<b>81.21</b>	2.46	<b>86.2</b>	78.3	96.86	85.6	77.79	77.9	<b>0</b>
1	BÌNH THẠNH ĐÔNG	<b>88.58</b>	<b>TỐT</b>	<b>87.86</b>	0.72	<b>87.92</b>	100	99.55	97.3	95.21	81.8	0
2	PHÚ HIỆP	<b>88.47</b>	<b>TỐT</b>	<b>85.46</b>	3.01	<b>88.3</b>	100	100	93.5	97	79.7	0
3	TÂN HOÀ	<b>88.41</b>	<b>TỐT</b>	<b>87.33</b>	1.08	<b>86.39</b>	100	98.88	91	97.3	82	0
4	PHÚ AN	<b>88.27</b>	<b>TỐT</b>	<b>80.42</b>	7.85	<b>88.46</b>	100	98.64	92.2	96.36	80.4	0
5	HIỆP XƯƠNG	<b>88.02</b>	<b>TỐT</b>	78.02	10	<b>88.27</b>	100	96.63	99	97.22	81.9	0
6	PHÚ BÌNH	<b>87.88</b>	<b>TỐT</b>	<b>87.89</b>	-0.01	<b>88.5</b>	100	96.15	96.9	97.1	80.9	0
7	PHÚ HÙNG	<b>87.14</b>	<b>TỐT</b>	<b>87.06</b>	0.08	<b>87.95</b>	100	93.72	97.4	93.92	81.7	0
8	PHÚ THỌ	<b>86.75</b>	<b>TỐT</b>	<b>87</b>	-0.25	<b>89.16</b>	91.1	98.51	97	94.57	81.8	0
9	HÒA LẠC	<b>85.69</b>	<b>TỐT</b>	<b>86.47</b>	-0.78	<b>88.36</b>	84.7	98	79.9	91.38	81.9	0
10	PHÚ MỸ	<b>85.28</b>	<b>TỐT</b>	<b>81.54</b>	3.74	<b>84.92</b>	84.2	97.76	95.9	94.77	80.5	0
11	PHÚ THANH	<b>84.72</b>	<b>TỐT</b>	<b>88.34</b>	-3.62	<b>87.98</b>	84.2	97.65	89.4	92.54	80	0
12	CHỢ VAM	<b>84.49</b>	<b>TỐT</b>	63.55	20.94	<b>84.78</b>	76.9	97.73	100	100	82	0
13	PHÚ XUÂN	<b>82.69</b>	<b>TỐT</b>	72.07	10.62	<b>86.46</b>	73.8	95.56	86.7	81.58	80.2	0
14	PHÚ LAM	<b>82.13</b>	<b>TỐT</b>	65.55	16.58	<b>84.73</b>	<u>69.2</u>	92.86	100	100	82	0
15	TÂN TRUNG	<b>81.17</b>	<b>TỐT</b>	<b>82.11</b>	-0.94	79.69	<u>60.4</u>	96.72	100	92.86	82	0
16	PHÚ THANH	78.88	KHA	69.23	9.65	<b>80.62</b>	<u>50.6</u>	96	91.7	100	82	0
17	LONG HÒA	77.85	KHA	75.23	2.62	<b>85.41</b>	<u>65.6</u>	100	<u>58.5</u>	92.59	66.9	0
18	PHÚ LONG	72.85	KHA	67.55	5.3	<b>81.36</b>	<u>32.4</u>	96	92	100	78.4	0

**THÔNG KÊ TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỐ HOÁ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Từ ngày 05 tháng 02 năm 2024 đến ngày 19 tháng 02 năm 2024)

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận					Số hoá kết quả giải quyết TTHC			
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
1	UBND tt Chợ Vàm	163	0	163	163	100	163	0	163	100
2	UBND xã Phú Thọ	86	0	86	86	100	86	0	86	100
3	UBND xã Tân Trung	48	0	48	47	97.92	46	0	46	100
4	UBND xã Phú Thạnh	41	0	41	41	100	40	0	40	100
5	UBND xã Phú Thành	54	0	54	54	100	53	1	52	98.11
6	UBND xã Phú Hưng	133	0	133	132	99.25	133	<u>5</u>	128	96.24
7	UBND xã Hiệp Xương	190	0	190	190	100	190	0	190	100
8	UBND xã Tân Hòa	73	0	73	73	100	72	1	71	98.61
9	UBND tt Phú Mỹ	151	0	151	151	100	150	<u>7</u>	143	95.33
10	UBND xã Hòa Lạc	46	0	46	46	100	43	0	43	100
11	UBND xã Phú Bình	45	0	45	45	100	40	0	40	100
12	UBND xã Phú Hiệp	72	1	71	71	98.61	72	0	72	100
13	UBND xã Phú Long	18	0	18	16	88.89	18	0	18	100
14	UBND xã Phú Lâm	50	0	50	49	98	50	0	50	100
15	UBND xã Bình Thạnh	133	0	133	132	99.25	133	0	133	100
16	UBND xã Phú Xuân	30	0	30	30	100	29	1	28	96.55
17	UBND xã Long Hòa	81	<u>35</u>	46	46	56.79	81	1	80	98.77
18	UBND xã Phú An	263	0	263	263	100	262	0	262	100
19	Bộ phận TN & TKQ hu	181	1	180	165	91.16	213	<u>6</u>	207	97.18
<b>Tổng số</b>		<b>1858</b>	<b>37</b>	<b>1821</b>	<b>1800</b>	<b>96.88</b>	<b>1874</b>	<b>22</b>	<b>1852</b>	<b>98.83</b>

**BÁO CÁO TỔNG HỢP PHẦN MỀM MỘT CỬA ĐIỆN TỬ  
TỪ NGÀY 05/02/2024 ĐẾN NGÀY 19/02/2024**

STT	TÊN CƠ QUAN	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI						TÌNH HÌNH XỬ LÝ							
		TỔNG SỐ	SỐ HỒ SƠ TIẾP NHẬN		SỐ THỦ TỤC		HỒ SƠ TỒN	TIẾP NHẬN		ĐÃ GIẢI QUYẾT			CHƯA GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ GIẢI QUYẾT %	
			Một phần (Trực tiếp)	Một phần (Trực tuyến)	Toàn trình	MC ĐT		TRỰC TUYẾN	Một phần (Trực tiếp)	Một phần (Trực tuyến)	Toàn trình				
HSTN	HSTN	HSTN trực tiếp	HSTN trực tuyến	HSTN trực tiếp	HSTN trực tuyến										
1	Phú An	268	8	0	219	1	40	0	9	259	8	219	35	6	97.8
2	Tân Trung	48	0	0	37	0	11	0	0	48	0	35	11	2	95.8
3	Bình Thạnh Đông	133	4	0	92	0	37	0	4	129	4	92	37	0	100
4	Hiệp Xương	190	1	0	159	0	30	0	1	189	1	159	30	0	100
5	Long Hòa	81	40	0	28	0	13	0	40	41	40	28	13	0	100
6	Phú Thạnh	44	0	0	39	0	5	0	0	44	0	35	5	4	90.9
7	Phú Thành	61	1	1	37	0	22	0	2	59	1	30	22	8	86.9
8	Phú Mỹ	151	0	1	69	0	81	0	1	150	0	69	81	1	99.3
9	Phú Lâm	50	0	0	36	0	14	0	0	50	0	36	14	0	100
10	Phú Long	18	0	0	4	0	14	0	0	18	0	4	14	0	100
11	Hòa Lạc	46	0	0	5	0	41	0	0	46	0	5	38	3	93.5
12	Phú Xuân	30	0	0	14	0	16	0	0	30	0	14	16	0	100
13	Phú Thọ	86	4	0	35	0	47	0	4	82	4	35	47	0	100

STT	TÊN CƠ QUAN	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI						TÌNH HÌNH XỬ LÝ							
		TỔNG SỐ	SỐ HỒ SƠ TIẾP NHẬN   SỐ THỦ TỤC			HỒ SƠ TỒN	TIẾP NHẬN		ĐÃ GIẢI QUYẾT			CHƯA GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ GIẢI QUYẾT %		
			Một phần (Trực tiếp)	Một phần (Trực tuyến)			Toàn trình	MC ĐT	TRỰC TUYẾN	Một phần (Trực tiếp)	Một phần (Trực tuyến)			Toàn trình	
HSTN	HSTN	HSTN trực tiếp	HSTN trực tuyến	HSTN trực tiếp	HSTN trực tuyến										
14	Phú Hiệp	80	1	0	67	0	12	0	1	79	1	67	12	0	100
15	Chợ Vàm	163	0	0	150	0	13	0	0	163	0	150	13	0	100
16	Phú Hưng	134	2	0	81	0	51	0	2	132	2	81	50	1	99.3
17	Tân Hòa	73	0	0	46	0	27	0	0	73	0	46	27	0	100
18	Phú Bình	45	1	3	16	0	25	0	4	41	0	16	24	5	88.9
19	Bộ phận TN & TKQ huyện	186	25	0	146	0	15	257	25	161	2	28	11	402	9.3
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>1701</b>	<b>62</b>	<b>5</b>	<b>1134</b>	<b>1</b>	<b>499</b>	<b>0</b>	<b>68</b>	<b>1633</b>	<b>61</b>	<b>1121</b>	<b>489</b>	<b>30</b>	